

# THỨC ĐẨY THỰC HÀNH CHIÊM NGHIỆM ĐỂ PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN TRONG GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ

## PROMOTING REFLECTIVE PRACTICE FOR PROFESSIONAL DEVELOPMENT IN LANGUAGE TEACHING

HUỲNH THỊ HẬU

Trường Đại học An ninh nhân dân, [jennyhuynh2311993@gmail.com](mailto:jennyhuynh2311993@gmail.com)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 05/5/2023            Ngày nhận lại: 11/5/2023            Duyệt đăng: 26/6/2023            Mã số: TCKH-S02T6-B02-2023            ISSN: 2354 – 0788</p> <p><b>Từ khóa:</b>            Phát triển nghề nghiệp, sự chiêm nghiệm, thực hành chiêm nghiệm, phân tích SWOT.</p> <p><b>Key words:</b>            Professional development, reflection, reflective practice, SWOT analysis.</p>	<p><i>Thực hành chiêm nghiệm được xem như là một trong những kỹ năng học tập suốt đời của giảng viên, góp phần thúc đẩy sự phát triển trong công việc giảng dạy và nghiên cứu. Hiệu quả của việc của thực hành chiêm nghiệm đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu trên thế giới liên quan đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy và thay đổi bản sắc của giáo viên. Nghiên cứu này nhằm đánh giá khả năng triển khai việc thực hành chiêm nghiệm nhằm thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp của giảng viên tại Trường Đại học An ninh nhân dân. Phân tích SWOT được thực hiện để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Trường Đại học An ninh nhân dân, Khoa Ngoại ngữ và Tin học trong việc áp dụng thực hành chiêm nghiệm. Kết quả cho thấy rằng việc vận dụng thực hành chiêm nghiệm sẽ có thể thành công từ lợi thế về đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm và lãnh đạo có chính sách và tầm nhìn phù hợp.</i></p> <p><b>ABSTRACT</b>  <i>Reflection or reflective practice is regarded as one of teachers' lifelong learning skills that promote their professional development. Reflective practice's usefulness in improving teaching quality and transforming teacher identity has been validated in several research conducted throughout the world. The purpose of this research is to assess the feasibility of applying reflective practice to support teacher professional development at The university of People's Security. A SWOT analysis was carried out to evaluate the Faculty of Foreign Languages and Informatics' strengths, weaknesses, opportunities, and threats in employing reflective practice. The findings indicate that the use of reflective practice would be effective owing to the benefits of experienced instructors and the leaders' visions.</i></p>

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển chuyên môn trong giảng dạy ngôn ngữ là một trong những yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng của quá trình dạy và học, đặc biệt là trong giảng dạy tiếng Anh. Việc thúc đẩy phát triển chuyên môn đã được nghiên cứu trong cả chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh tập sự và chính thức. Nhiều giải pháp liên quan đến chính giáo viên đã được đề xuất. Thực hành chiêm nghiệm được cho là một lựa chọn hiệu quả. Càng nhiều nghiên cứu liên quan đến thực hành chiêm nghiệm; mối quan hệ giữa thực hành chiêm nghiệm và sự phát triển chuyên môn liên tục của giáo viên cũng như hiệu quả phương pháp trong việc cải thiện việc học và dạy được thực hiện [1]. Trong các nghiên cứu của Farrell (2013) và Lee (2010), các kết quả chỉ ra thực hành chiêm nghiệm tạo cơ hội cho giáo viên tận tâm trong việc xác định vấn đề, đánh giá và đổi mới giải pháp để giải quyết vấn đề khó khăn của mình một cách tích cực và có ý nghĩa trong quá trình giảng dạy, góp phần vào sự thay đổi tích cực về bản sắc của giáo viên [4], [8].

Thực hành chiêm nghiệm (Reflective practice) hay chiêm nghiệm (Reflection) đã được áp dụng rộng rãi trên thế giới, thậm chí được đưa vào chương trình giảng dạy của nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh... với hy vọng nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên [6], [11]. Ở châu Á, Malaysia và Indonesia đã áp dụng thực hành chiêm nghiệm trong các chương trình đào tạo giáo viên của họ. Việc áp dụng thực hành chiêm nghiệm ở Việt Nam đã được nhấn mạnh trong quá trình thực tập của giáo viên. Liên quan đến bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên chính thức, đối tượng cần được khuyến khích phát triển chuyên môn, các chương trình đào tạo còn khá hạn chế. Bài viết trả lời các câu hỏi liên quan đến việc áp dụng phương pháp thực hành chiêm nghiệm tại Trường Đại học An ninh nhân dân như sau: 1) Điểm mạnh của trường trong việc áp dụng thực hành chiêm nghiệm?; 2) Những hạn chế trong việc

thực hiện các hoạt động thực hành chiêm nghiệm tại trường đại học này?; 3) Cơ hội để áp dụng thực hành chiêm nghiệm nhằm nâng cao năng lực của giáo viên và sự phát triển chuyên môn của họ?; 4) Các rủi ro trong việc áp dụng thực hành chiêm nghiệm?.

## 2. TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

### 2.1. Định nghĩa

Thuật ngữ “reflection” hay “reflective practice” tạm dịch là “chiêm nghiệm” hay “thực hành chiêm nghiệm” đã được chuyển từ triết học và tâm lý học sang giáo dục học, cụ thể áp dụng trong thực hành giảng dạy [10]. Vai trò quan trọng của chiêm nghiệm trong quá trình dạy và học ngôn ngữ đã được khẳng định trong nhiều thập kỷ [3], [9]. Nghiên cứu liên quan đến những chiêm nghiệm của giáo viên đã phát triển nhanh chóng trong quá trình đào tạo giáo viên trong những thập kỷ qua [12]. Thực hành chiêm nghiệm đã được công nhận với sự đóng góp của cố vấn chuyên môn, sự tham gia của đồng nghiệp và sự chiêm nghiệm dựa trên kinh nghiệm thực tiễn của chính người đứng lớp [6]. Thực hành chiêm nghiệm đã được triển khai rộng rãi trong các chương trình phát triển chuyên môn của giáo viên bao gồm trong đào tạo giáo viên, bồi dưỡng giáo viên chính thức, giáo dục sau đại học và nghiên cứu về giảng dạy [2]. Chiêm nghiệm đã được nhấn mạnh trong chương trình đào tạo của các nước phát triển như Vương quốc Anh, Hoa Kỳ [6], [11].

Cách hiểu về thực hành chiêm nghiệm rất đa dạng và có thể trùng lặp. Một số điểm tương đồng cơ bản trong định nghĩa về nó như một quá trình học tập dựa trên tích góp kinh nghiệm liên tục hướng tới việc mở ra một tầm nhìn mới trong bản thân và trong thực tiễn giảng dạy [7]. Các hoạt động thực hành chiêm nghiệm hàng ngày bao gồm học tập thông qua kinh nghiệm, quan sát trên thực tế và kiểm tra các sự cố [1]. Việc kiểm tra các sự cố nhằm thúc đẩy quá trình giáo viên tự nhận thức và đưa ra đánh giá về cách xử lý của mình trong các tình huống sư phạm. Cá

nhân giáo viên có thể có cái nhìn sâu sắc về hành động của họ, đánh giá hiệu quả giảng dạy và trưởng thành trong những lần dạy tiếp theo [6], [7]. Sự chiêm nghiệm của giáo viên không chỉ đơn giản là một quá trình suy nghĩ, phân tích, đánh giá và dự đoán mà còn liên quan đến trực giác và cảm xúc của người đứng lớp, xuất phát từ sự tương tác tích cực của họ với môi trường xung quanh cụ thể là trong môi trường sư phạm [5], [12].

## 2.2. *Phân loại*

Liên quan đến phạm trù chiêm nghiệm, Finlay (2008) đã giới thiệu đóng góp có giá trị trong công trình của Schön (1987) là việc xác định hai loại chiêm nghiệm: Chiêm nghiệm về hành động (Reflection-on-practice), quá trình xảy ra sau sự kiện trong tư duy và chiêm nghiệm trong hành động (Reflective-in-practice) tức là hành động vừa nghĩ vừa làm. Đối với loại đầu tiên, các giáo viên sẽ tiếp tục xem xét, mô tả, phân tích và đánh giá thực hành trước đây của họ với hy vọng có được một cái nhìn sâu sắc và ứng dụng tốt hơn nữa trong những lần dạy sau. Loại thứ hai là một cách để kiểm tra kinh nghiệm và phản xạ của giáo viên khi hoạt động giảng dạy xảy ra. Những điểm tương đồng ở cả hai loại là mối liên hệ giữa cảm xúc của người dạy và các lý thuyết liên quan. Người giáo viên sẽ cố gắng thiết lập những cam kết hoặc suy nghĩ mới nhằm thúc đẩy phản ứng nhạy bén hơn đối với các tình huống giảng dạy. Trong một đánh giá về thực hành chiêm nghiệm được ghi nhận bởi Cirocki và Widodo (2019), họ đã thêm một loại chiêm nghiệm phổ biến hơn, chiêm nghiệm cho hành động, tập trung vào các chiêm nghiệm về tương lai để cải thiện thực hành giảng dạy của hiện tại [4], [9].

## 2.3. *Hiệu quả*

Van Beveren, Roets, Buysse và Rutten (2018) đã đề xuất tác động của thực hành chiêm nghiệm được xác nhận ở ba cấp độ, tức là cấp độ cá nhân, trong các cá nhân và ở xã hội, khá tương đồng với đánh giá của Cirocki và Farrell (2017).

Ở cấp độ cá nhân, sự chiêm nghiệm sẽ góp phần nâng cao chuyên môn xét về năng lực, kỹ năng và bản sắc nghề nghiệp của người giáo viên. Như trong lập luận của Schön (1987), thực hành chuyên môn cụ thể là thực hành sư phạm là một quá trình có tính phức tạp, khó đoán trước. Do đó, sự linh hoạt của các người đứng lớp sẽ có hiệu quả trong việc giải quyết các tình huống khó trong giảng dạy bằng phản xạ của họ thay vì tuân theo các quy định, quy trình được đặt ra trước. Về mặt nhận thức của mỗi cá nhân, sự chiêm nghiệm sẽ cho phép các giáo viên có thêm trải nghiệm thực tế với sự cân nhắc dựa trên nguồn gốc dân tộc, kinh tế, xã hội, lịch sử, tinh thần, ngôn ngữ và nghề nghiệp của người giáo viên. Sự hiểu biết về sức mạnh của người giáo viên có thể càng sâu sắc hơn. Ở một khía cạnh khác của sự biến đổi trong quá trình học tập của giáo viên, các hoạt động chiêm nghiệm trong hành động hoặc về hành động trong các tình huống sư phạm sẽ thúc đẩy những thay đổi trong niềm tin, thái độ và hành vi của người trong cuộc tức người đứng lớp, từ đó thúc đẩy sự phát triển trực giác và sáng tạo của giáo viên [7], [11].

Ở phạm vi rộng hơn, sự trưởng thành trong việc giảng dạy có thể được khẳng định trong các cách giải quyết tình huống sư phạm của giáo viên thông qua khả năng giám sát và điều chỉnh thực hành của chính họ một cách đồng thời và trực quan [7]. Chính những thay đổi này kết hợp với quan điểm cá nhân của họ sẽ làm nền tảng cho sự đổi mới trong hệ thống niềm tin sư phạm của người đứng lớp. Với vai trò của cá nhân, thực hành chiêm nghiệm có tác động trực tiếp đến sự chủ động, tự giác và góp phần nâng cao trách nhiệm của người giáo viên.

Ở cấp độ cao hơn, trong sự liên hệ giữa các cá nhân liên quan, kiến thức thực tế sẽ cho phép những người trong cuộc có giải pháp hoàn chỉnh hơn cho các tình huống trong bối cảnh thực tế, hỗ trợ giáo viên xác định các phương pháp giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tế của người học. Việc chiêm nghiệm sâu sắc sẽ đóng vai trò

quan trọng trong việc hoàn thiện con người và xã hội. Về giáo dục, nó ảnh hưởng đến việc (tái) xây dựng bản sắc của giáo viên trong thế kỷ XXI [11]. Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh (TESOL), góp phần hướng đến mục tiêu cuối cùng của đào tạo giáo viên là chuẩn bị cho giáo viên trở thành những người thực hành có sự chiêm nghiệm chứ không phải những “kỹ thuật viên” hay “người truyền đạt chương trình giảng dạy” [1, tr.17]. Hoạt động giảng dạy nói chung và hoạt động dạy ngoại ngữ nói riêng đều có yếu tố con người, chủ yếu dựa trên sự tương tác của các bên nên đòi hỏi người giáo viên cần đủ tinh tế và nhạy cảm để nhận ra những ưu điểm, hạn chế và nhu cầu của người học thông qua quá trình tự chiêm nghiệm.

Hiệu quả của thực hành chiêm nghiệm đã được xác nhận trong nhiều nghiên cứu trong nhiều thập kỷ. Một trong những lợi ích quan trọng nhất mà giáo viên có thể nhận được từ những nghiên cứu đó là lựa chọn các hình thức thực hành chiêm nghiệm phù hợp để triển khai nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy.

### 3. PHƯƠNG PHÁP

SWOT là từ viết tắt của cụm từ Strengths - Weaknesses - Opportunities - Threats. Khung phân tích SWOT được sử dụng trong bài báo này để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Khoa Ngoại ngữ và Tin học Trường Đại học An ninh Nhân dân trong việc áp dụng thực hành chiêm nghiệm. Về điểm mạnh, bài viết mô tả những điểm vượt trội của khoa liên quan đến đội ngũ giảng viên và nguồn lực. Điểm yếu là các đánh giá dựa trên thực tế và dựa trên dữ liệu liên quan đến các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến sự phát triển chuyên môn của giáo viên tại Đại học An ninh Nhân dân. Các cơ hội và mối đe dọa của việc sử dụng thực hành chiêm nghiệm tại Đại học An ninh Nhân dân có thể được rút ra. Phân tích SWOT sẽ là một công cụ chiến lược để xác định các yếu tố bên trong và bên ngoài, cũng như tiềm năng thực hành phản ánh hiện tại và tương lai trong

việc thúc đẩy phát triển chuyên môn giảng dạy của giảng viên chính thức tại đây.

## 4. THẢO LUẬN

### 4.1. Điểm mạnh

Điểm mạnh dễ nhận thấy nhất có thể kể đến là chất lượng đội ngũ giảng viên. Tất cả các giáo viên của khoa đều có bằng Thạc sĩ về TESOL hoặc Ngôn ngữ học ứng dụng. Hầu hết họ đều có kinh nghiệm giảng dạy ngôn ngữ từ 5 đến 25 năm. Với kinh nghiệm lâu năm và nền tảng học vấn tốt, các giáo viên tiếng Anh tại Đại học An ninh nhân dân được kỳ vọng sẽ học hỏi được nhiều từ việc thực hành chiêm nghiệm, điều này đòi hỏi họ phải suy nghĩ nhiều hơn về thực hành giảng dạy để nâng cao chuyên môn.

Một điểm mạnh khác được thảo luận liên quan đến tầm nhìn của Ban lãnh đạo khoa. Để định hướng phát triển chuyên môn, ban giám hiệu đã đầu tư cho các chương trình bồi dưỡng cho giáo viên chính thức. Họ được gửi đến các cơ sở uy tín để tham gia các khóa học về phương pháp giảng dạy, đánh giá và kiểm tra, cung cấp cho họ những kiến thức cập nhật hơn. Một số chương trình đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin cũng được đề xuất để thúc đẩy giáo viên tự học trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tất cả giáo viên đều có thể tiếp cận các tài nguyên giảng dạy với sự hỗ trợ đầy đủ từ Ban lãnh đạo ở các cấp khác nhau tại Đại học An ninh nhân dân.

### 4.2. Điểm hạn chế

Bên cạnh một số điểm mạnh cụ thể đã phân tích ở trên, một số hạn chế của giảng viên cần được thảo luận chi tiết để cải thiện trong tương lai. Thứ nhất, liên quan đến các yếu tố bên ngoài, đội ngũ giáo viên đang gặp phải tình trạng hạn chế về thời gian dành cho việc nghiên cứu khoa học. Khoa Ngoại ngữ và Tin học có 18 giáo viên tiếng Anh chịu trách nhiệm giảng dạy tất cả các chương trình đào tạo tiếng Anh, bao gồm các chương trình đào tạo đại học, sau đại học, tại chức và liên kết đào tạo. Để đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, phần lớn giáo viên phải

dạy thông thường khoảng 25-30 giờ/tuần, dẫn đến giáo án thiếu cập nhật, thiếu sự đầu tư về vật chất và tinh thần cho từng tiết học cụ thể. Hơn nữa, giáo viên tại Đại học An ninh nhân dân được xem như sỹ quan an ninh chính thức, họ không chỉ giảng dạy mà còn đảm nhận nhiều loại công việc giấy tờ khác nhau. Áp lực công việc dần khiến họ không thể đạt được mục tiêu dài hạn trong sự phát triển nghề nghiệp do thiếu khả năng tự nhìn nhận bản thân.

Về yếu tố bên trong, một bộ phận lớn giảng viên có thể chưa xác định rõ bản sắc người thầy và sự phát triển nghề nghiệp, những yếu tố hỗ trợ cho việc đặt mục tiêu lâu dài trong sự nghiệp. Yêu cầu của vị trí giảng dạy được coi là mục tiêu nghề nghiệp của họ. Ví dụ, giáo viên được yêu cầu đặt mục tiêu cho nhiệm kỳ 5 năm tới để có được vị trí giảng viên chính thức hoặc giảng viên cao cấp dựa trên các tiêu chuẩn được quy định, như là các kì thi giảng giỏi, viết tài liệu. Hầu hết họ không thể tập trung hoàn toàn vào giảng dạy và niềm đam mê của mình. Do đầu tư nhiều thời gian vào lộ trình nghề nghiệp với các mục tiêu cụ thể bị máy móc hóa về vị trí giảng dạy, họ khó có thể dành nhiều thời gian hơn để chiêm nghiệm về việc giảng dạy của mình cũng như việc phát triển chuyên môn của bản thân xuất phát từ chính thực tế công tác.

Một điểm yếu khác nên được đề cập là một số hạn chế trong kỹ năng nghiên cứu. Mặc dù hầu hết các giáo viên đều có thể phát hiện ra các vấn đề dạy học trong các bối cảnh cụ thể, nhưng không phải tất cả giáo viên đều có đủ kỹ năng sư phạm để giải quyết. Khối lượng công việc giấy tờ lớn ngoài công tác giảng dạy và nghiên cứu đã ảnh hưởng đến quỹ thời gian giáo viên có thể đầu tư vào việc nghiên cứu trong các lớp học cụ thể của chính mình. Hầu hết họ tiếp tục việc giảng dạy của mình để đạt được số giờ theo yêu cầu mà không dừng lại để chiêm nghiệm về hiệu quả công tác giảng dạy của mình.

### 4.3. Cơ hội

Do thực hành chiêm nghiệm đã được đưa vào chương trình đào tạo giáo viên của nhiều nước phát triển nên việc áp dụng kỹ thuật này tại Đại học An ninh nhân dân có nhiều tiềm năng. Đây sẽ là giải pháp chiến lược nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên tiếng Anh cho mục tiêu dài hạn. Vì thực hành chiêm nghiệm đòi hỏi sự tự đầu tư của giáo viên, sẽ thúc đẩy cả cảm xúc và năng lực giảng dạy của giáo viên gắn liền với con đường sự nghiệp giảng dạy của họ.

Do khả năng rèn luyện thực hành chiêm nghiệm trong giảng dạy, đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm tại Đại học An ninh nhân dân với nền tảng học vấn tốt có thể được trang bị kỹ năng này để cải thiện việc giảng dạy của họ trong thời gian dài sắp tới. Họ có thể xây dựng được bản sắc giáo viên của riêng mình để có những đóng góp ý nghĩa hơn trong việc đào tạo tiếng Anh cho lực lượng Công an nhân dân. Một cơ hội khác có thể được thực hiện là việc thành lập các nhóm học thuật để hỗ trợ việc giảng dạy của chính họ trong cùng đơn vị. Các nhóm nghiên cứu này sẽ không chỉ là nơi chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy dựa trên chiêm nghiệm mà còn là nơi quy tụ những nhà trí thức cùng đam mê nghiên cứu trên các lĩnh vực cụ thể.

### 4.4. Thách thức

Việc triển khai thực hành chiêm nghiệm sẽ gặp phải một số mối đe dọa liên quan đến cách nó được vận hành. Về khía cạnh đạo đức, đối với lịch giảng dạy bận rộn, việc thực hành chiêm nghiệm quá dễ dàng được áp dụng một cách nhạt nhẽo, máy móc và thiếu suy nghĩ. Nghĩa vụ thực hành chiêm nghiệm sẽ làm nản lòng cả giáo viên và học viên. Với cùng mối quan tâm về đạo đức, Finlay (2008), Finefter-Rosenbluh (2016) nhận thấy rằng việc phát triển chuyên môn chính thức và các quy trình không linh hoạt của nó có thể khiến giảng viên hồ sơ hóa hoặc không trung thực với chính đồng nghiệp, quên đi nhu cầu thực sự của sinh viên, càng ảnh hưởng đến hiệu

quả quá trình học tập của sinh viên [6], [7]. Liên quan đến vấn đề nghề nghiệp, nếu quá trình thực hành chiêm nghiệm được tiến hành một cách thiếu bài bản, không đầu tư thời gian sẽ khiến giá trị của người thầy không được công nhận. Giáo viên sẽ không đạt được giá trị cho sự phát triển nghề nghiệp của họ. Trên thực tế, hỗ trợ việc thực hành chiêm nghiệm hiệu quả nên là vấn đề xuất phát từ cá nhân hơn là trách nhiệm của tổ chức.

## 5. KẾT LUẬN

Bài viết này đã trình bày về thực hành chiêm nghiệm về định nghĩa, loại hình và hiệu

quả đối với sự phát triển nghề nghiệp. Trên cơ sở phân tích SWOT đã được thực hiện để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ của phương pháp này trong việc phát triển con đường sự nghiệp giảng dạy của giáo viên tiếng Anh tại Đại học An ninh nhân dân. Trong tương lai, cùng với những đề án phát triển giáo viên các cấp, thực hành chiêm nghiệm nên được nghiên cứu sâu hơn và rộng hơn nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng trong đổi mới chất lượng giáo viên góp phần vào đẩy mạnh chất lượng giáo dục.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cirocki, A., & Widodo, H. P. (2019), *Reflective practice in English language teaching in Indonesia: Shared practices from two teacher educators*, *Iranian Journal of Language Teaching Research*, 7 (3 (Special Issue)).
- [2] Cruickshank, D. R. (1985), *Uses and benefits of reflective teaching*, *The Phi Delta Kappan*.
- [3] Dewey, J. (1933), *Why have progressive schools?* *Current History (1916-1940)*, 38(4).
- [4] Farrell, T. (2013), *Reflective practice in ESL teacher development groups: From practices to principles*, Springer.
- [5] Farrell, T. S. (2015), *Reflective language teaching: From research to practice*. Bloomsbury Publishing.
- [6] Finefter-Rosenbluh, I. (2016), *Behind the scenes of reflective practice in professional development: A glance into the ethical predicaments of secondary school teachers*, *Teaching and Teacher Education*, 60. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.tate.2016.07.028>
- [7] Finlay, L. (2008), *Reflecting on 'Reflective practice'*, *Practice-based Professional Learning Paper* 52.
- [8] Lee, I. (2010), *Writing teacher education and teacher learning: Testimonies of four EFL teachers*, *Journal of Second Language Writing*, 19(3), . <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.jslw.2010.05.001>
- [9] Schön, D. A. (1987), *Educating the reflective practitioner: Toward a new design for teaching and learning in the professions*, Jossey-Bass.
- [10] Silcock, P. (1994), *The process of reflective teaching*, *British Journal of Educational Studies*.
- [11] Van Beveren, L., Roets, G., Buysse, A., & Rutten, K. (2018), *We all reflect, but why? A systematic review of the purposes of reflection in higher education in social and behavioral sciences*, *Educational Research Review*, 24.
- [12] Yuan, R., & Mak, P. (2018), *Reflective learning and identity construction in practice, discourse and activity: Experiences of pre-service language teachers in Hong Kong*, *Teaching and Teacher Education*, 74, 205-214. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.tate.2018.05.009>